

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79/NQ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử;
danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài
nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019, bao gồm:

STT	ICAO	TÊN	TÊN (TIẾNG ANH)
1.	ARG	Ác-hen-ti-na	Argentina
2.	ARM	Ác-mê-ni-a	Armenia
3.	AZE	A-déc-bai-gian	Azerbaijan
4.	IRL	Ai-rơ-len	Ireland
5.	ISL	Ai-xơ-len	Iceland
6.	AUT	Áo	Austria
7.	POL	Ba Lan	Poland
8.	BLR	Bê-la-rút	Belarus
9.	BEL	Bỉ	Belgium
10.	PRT	Bồ Đào Nha	Portugal
11.	BIH	Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na	Bosnia and Herzegovina
12.	BRA	Bra-xin	Brazil
13.	BRN	Bru-nây	Brunei Darussalam

14.	BGR	Bun-ga-ri	Bulgaria
15.	ARE	Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	United Arab Emirates
16.	KAZ	Ca-dắc-xtan	Kazakhstan
17.	CAN	Ca-na-đa	Canada
18.	QAT	Ca-ta	Qatar
19.	D	CH Liên bang Đức	Germany
20.	CHL	Chi-lê	Chile
21.	COL	Cô-lôm-bi-a	Colombia
22.	IND	Cộng hòa Ấn Độ	India
23.	CZE	Cộng hòa Séc	Czech Republic
24.	AND	Công quốc An-đơ-ra	Andorra
25.	LIE	Công quốc Lít-ten-xơ-tên	Liechtenstein
26.	MCO	Công quốc Mô-na-cô	Monaco
27.	HRV	Crô-a-ti-a	Croatia
28.	CUB	Cu-ba	Cuba
29.	DNK	Đan Mạch	Denmark
30.	CYP	Đảo Síp	Cyprus
31.	TLS	Đông Ti-mo	Timor Leste
32.	EST	E-xtô-ni-a	Estonia
33.	GEO	Gru-di-a	Georgia
34.	KOR	Hàn Quốc	Korea
35.	USA	Hoa Kỳ	United States of America
36.	HUN	Hung-ga-ri	Hungary
37.	GRC	Hy Lạp	Greece
38.	ITA	I-ta-li-a	Italy
39.	LVA	Lát-vi-a	Latvia
40.	RUS	Liên bang Nga	Russia
41.	GBR	Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len	United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland
42.	LTU	Lit-hua-ni-a	Lithuania
43.	LUX	Luých-xem-bua	Luxembourg
44.	FSM	Mai-crô-nê-xi-a	Micronesia
45.	MLT	Man-ta	Malta
46.	MKD	Ma-xê-đô-ni-a	Macedonia
47.	MEX	Mê-xi-cô	Mexico
48.	MMR	Mi-an-ma	Myanmar

49.	MDA	Môn-đô-va	Moldova
50.	MNG	Mông Cổ	Mongolia
51.	MNE	Môn-tê-nê-grô	Montenegro
52.	NRU	Na-u-ru	Nauru
53.	JPN	Nhật Bản	Japan
54.	NZL	Niu Di-lân	New Zealand
55.	AUS	Ô-xtơ-rây-lia	Australia
56.	PLW	Pa-lau	Palau
57.	PAN	Pa-na-ma	Panama
58.	PNG	Pa-pua Niu Ghi-nê	Papua New Guinea
59.	PER	Pê-ru	Peru
60.	FIN	Phần Lan	Finland
61.	FRA	Pháp	France
62.	FJI	Phi-gi	Fiji
63.	PHL	Phi-líp-pin	Philippines
64.	MHL	Quần đảo Mác-san	Marshall Islands
65.	SLB	Quần đảo Xa-lô-mông	Salomon Islands
66.	ROM	Ru-ma-ni	Romania
67.	WSM	Sa-moa	Western Samoa
68.	SMR	San Ma-ri-nô	San Marino
69.	SRB	Séc-bi	Serbia
70.	ESP	Tây Ban Nha	Spain
71.	SWE	Thụy Điển	Sweden
72.	CHE	Thụy Sĩ	Switzerland
73.	CHN	Trung Quốc - Bao gồm công dân mang hộ chiếu Hồng Kông, hộ chiếu Ma Cao - Không áp dụng với công dân mang hộ chiếu phổ thông điện tử Trung Quốc	China - Including Hong Kong SAR and Macau SAR passport holders - Not apply to Chinese e-passport holders
74.	URY	U-ru-goay	Uruguay
75.	VUT	Va-nu-a-tu	Vanuatu
76.	VEN	Vê-nê-du-e-la	Venezuela
77.	NLD	Vương quốc Hà Lan	Netherlands
78.	NOR	Vương quốc Na-uy	Norway
79.	SVK	Xlô-va-ki-a	Slovakia
80.	SVN	Xlô-ven-ni-a	Slovenia

Điều 2. Danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019, bao gồm:

I. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG KHÔNG

1. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Nội Bài;
2. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;
3. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh;
4. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng;
5. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Cát Bi;
6. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ;
7. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc;
8. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Phú Bài.

II. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ

1. Cửa khẩu quốc tế Tây Trang/tỉnh Điện Biên;
2. Cửa khẩu quốc tế Móng Cái/tỉnh Quảng Ninh;
3. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị/tỉnh Lạng Sơn;
4. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai/tỉnh Lào Cai;
5. Cửa khẩu quốc tế Na Mèo/tỉnh Thanh Hóa;
6. Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn/tỉnh Nghệ An;
7. Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo/tỉnh Hà Tĩnh;
8. Cửa khẩu quốc tế Cha Lo/tỉnh Quảng Bình;
9. Cửa khẩu quốc tế La Lay/tỉnh Quảng Trị;
10. Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo/tỉnh Quảng Trị;
11. Cửa khẩu quốc tế Bờ Y/tỉnh Kon Tum;
12. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/tỉnh Tây Ninh;
13. Cửa khẩu quốc tế Xa Mát/tỉnh Tây Ninh;
14. Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên/tỉnh An Giang;
15. Cửa khẩu quốc tế Sông Tiền/tỉnh An Giang;
16. Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên/tỉnh Kiên Giang.

III. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BIỂN

1. Cửa khẩu Cảng Hòn Gai/tỉnh Quảng Ninh;
2. Cửa khẩu Cảng Cẩm Phả/tỉnh Quảng Ninh;
3. Cửa khẩu Cảng Hải Phòng/thành phố Hải Phòng;
4. Cửa khẩu Cảng Nghi Sơn/tỉnh Thanh Hóa;
5. Cửa khẩu Cảng Vũng Áng/tỉnh Hà Tĩnh;
6. Cửa khẩu Cảng Chân Mây/tỉnh Thừa Thiên Huế;

7. Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng/thành phố Đà Nẵng;
8. Cửa khẩu Cảng Nha Trang/tỉnh Khánh Hòa;
9. Cửa khẩu Cảng Quy Nhơn/tỉnh Bình Định;
10. Cửa khẩu Cảng Dung Quất/tỉnh Quảng Ngãi;
11. Cửa khẩu Cảng Vũng Tàu/tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
12. Cửa khẩu Cảng Thành phố Hồ Chí Minh/Thành phố Hồ Chí Minh;
13. Cửa khẩu Cảng Dương Đông/tỉnh Kiên Giang;

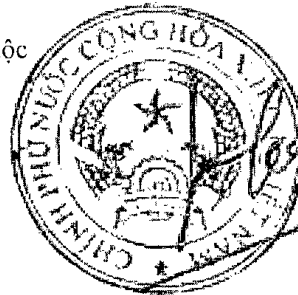
Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các Thành viên Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: Các PCN; Trợ lý TTg,
Các Vụ: TH, NC, PL;
- Lưu: VT, QHQT(3) TA

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc